

Số: **1525** /BKHDĐT-ĐTNNV/v báo cáo tình hình đầu tư nước
ngoài quý I, ước cả năm 2013

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2013

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Theo quy định tại Điều 80, Khoản 5 của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/9/2006, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp với các Ban Quản lý KCN, KCX, KCNC và KKT tổng hợp, định kỳ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Ủy ban giao một cơ quan làm đầu mối báo cáo, đánh giá tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn trong quý I, ước cả năm 2013 (các biểu mẫu gửi kèm theo) và các giải pháp, kiến nghị trong công tác chỉ đạo, điều hành trong năm 2013.

Báo cáo của Quý Ủy ban đề nghị gửi về Cục Đầu tư nước ngoài* – Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/3/2013 và bản mềm (file) gửi về địa chỉ email: tonghop.dtnn@mpi.gov.vn

Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị cần nghiêm túc thực hiện việc sao gửi giấy chứng nhận đầu tư được cấp phép về Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định tại Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý Ủy ban trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin, đánh giá về tình hình đầu tư nước ngoài quý I, ước cả năm 2013 và các kiến nghị cho thời gian tới để từ đó có những giải pháp và chính sách kịp thời đảm bảo việc thu hút và giải ngân đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. *KT*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KHĐT các tỉnh/TP trực thuộc trung ương;
- Ban Quản lý KCN, KCX, KKT, KCNC cấp tỉnh;
- Ban Quản lý KCNC Hòa Lạc;
- Lưu VT, KKT, ĐTNN.

*SĐ***KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đào Quang Thu

* Truy cập website của Cục Đầu tư nước ngoài để tải về các mẫu báo cáo tại địa chỉ <http://fia.mpi.gov.vn/> Điện thoại: 0804 4050, 0804 8087, 0804 8973, Fax: 04-3734 3769

BIỂU 1.1: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI QUÝ I NĂM 2013, ƯỚC CẢ NĂM 2013
Tỉnh/thành phố

Mã chỉ tiêu	Chi tiêu	Đơn vị tính	Quý I			Cả năm		
			Quý I năm 2012	Quý I năm 2013	Số cùng kỳ (%)	Thực hiện năm 2012	Ước thực hiện năm 2013	Số cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5	6=(5)/(4)	7	8	9=(8)/(7)
A	Tình hình thực hiện							
A1	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD						
A2	Trong đó, từ nước ngoài	Triệu USD						
A3	Doanh thu	Triệu USD						
A4	Số lao động	người						
A5	Nộp ngân sách	Triệu USD						
B	Tình hình cấp GCNDT							
B1	Cấp mới							
B11	Số dự án	Dự án						
B12	Vốn đầu tư đăng ký mới	Triệu USD						
B2	Điều chỉnh vốn							
B21	Số lượt dự án điều chỉnh tăng vốn	Lượt dự án						
B22	Vốn đầu tư điều chỉnh tăng	Triệu USD						
B23	Số lượt dự án điều chỉnh giảm vốn	Lượt dự án						
B24	Vốn đầu tư điều chỉnh giảm	Triệu USD						
B3	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm	Triệu USD						
C	Tình hình thu hồi GCNDT							
C1	Số dự án	Dự án						
C2	Vốn đăng ký	Triệu USD						
D	Tình hình tiếp nhận							
D1	Số dự án tiếp nhận	Dự án						
D2	Vốn đăng ký của các dự án tiếp nhận	Triệu USD						
	Trong đó, đã cấp GCNDT							
D3	Số dự án	Dự án						
D4	Vốn đăng ký	Triệu USD						
	Chưa cấp							
D5	Số dự án	Dự án						
D6	Vốn đăng ký	Triệu USD						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Người duyệt biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Chú thích

B21 và B23 ghi số lượt điều chỉnh vốn (ví dụ 1 dự án điều chỉnh vốn 2 lần trong kỳ báo cáo thì tính là 2 lượt)

B3=B12+B22-B24

Danh mục chi tiết số liệu tại cột 5 của chỉ tiêu B1 đưa vào Biểu 1.2; của chỉ tiêu B2 đưa vào Biểu 1.3; của chỉ tiêu C đưa vào Biểu 1.4

D1=D3+D5, D2=D4+D6

Ghi chú

BIỂU 1.2: TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ TẠI TỈNH/THÀNH PHỐ

Từ ngày 01/1/2013 đến ngày 20/3/2013

TT	Số GCNĐT	Ngày cấp	Tên dự án	Hình thức đầu tư	Tên doanh nghiệp thành lập	Loại hình DN	Vốn đầu tư (USD)	Vốn điều lệ (USD)			Mục tiêu hoạt động	Ngành, lĩnh vực	Thời hạn	Địa chỉ trụ sở DN/địa điểm dự án	Nhà đầu tư nước ngoài			Nhà đầu tư Việt Nam		Ưu đãi đầu tư	Ghi chú
								Trong đó		Tổng					Tên	Địa chỉ	Nước đăng ký	Tên	Địa chỉ		
								Bên VN	Bên NN												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1. Đầu tư gắn với thành lập tổ chức kinh tế																					
																	</				

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Người duyệt biểu
(ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Chú thích Cột 3 ngày cấp đề nghị ghi ngày/tháng/năm
 Cột 5 hình thức đầu tư ghi: liên doanh, 100% vốn nước ngoài, hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) hoặc BOT
 Cột 7 ghi loại hình doanh nghiệp: TNHH 1 thành viên, TNHH 2 thành viên, Cty cổ phần, Cty hợp danh (CTHD)... đối với mục "1. Đầu tư gắn với thành lập tổ chức kinh tế"
 Cột 7 ghi chi nhánh sản xuất, văn phòng đại diện... đối với mục "2. Đầu tư không gắn với thành lập tổ chức kinh tế"
 Cột 13 ngành, lĩnh vực là ngành cấp 1 theo quy định tại Quyết định 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ

BIỂU 1.3: TÌNH HÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ/GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ TẠI TỈNH/THÀNH PHỐ ...

Từ ngày 01/1/2013 đến ngày 20/3/2013

TT	Số GCNĐT/ GPĐT	Ngày cấp	Tên dự án	Lần điều chỉnh	Ngày điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh			Vốn đầu tư (USD)	Vốn điều lệ (USD)			Ghi chú
						Nội dung	Cụ thể			Trong đó		Tổng	
							Trước khi ĐC	Sau khi ĐC		Bên VN	Bên NN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng												

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Người duyệt biểu

(ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Chú thích: Cột 3 và cột 6 đề nghị ghi theo ngày/tháng/năm

Cột 7 ghi tóm tắt nội dung điều chỉnh, ví dụ như điều chỉnh tăng vốn đầu tư/vốn điều lệ; bổ sung mục tiêu; mở chi nhánh....

Cột 10 đến 13 chỉ dành cho các dự án điều chỉnh vốn, điền mức vốn tương ứng sau khi điều chỉnh vào các cột này

BIỂU 1.5: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI QUÝ I, ƯỚC CẢ NĂM 2013
Tỉnh/thành phố

TT	Số GCNĐ T	Ngày cấp	Tên dự án/doanh nghiệp	Ngành, lĩnh vực	Hình thức đầu tư	Quốc gia ký	Năm 2013			
							Thực hiện quý I		Ước cả năm	
							Vốn thực hiện (USD)	Trong đó từ nước ngoài (USD)	Vốn thực hiện (USD)	Trong đó từ nước ngoài (USD)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Người duyệt biểu
(ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Ghi chú: Cột 3 về ngày cấp đề nghị ghi theo ngày/tháng/năm

Cột 5 ghi theo ngành cấp 1 quy định tại Quyết định 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ

Cột 6 hình thức đầu tư ghi: liên doanh, 100% vốn nước ngoài, hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) hoặc BOT

Chỉ có những dự án có thực hiện vốn trong kỳ báo cáo liệt kê vào biểu này, không phải tất cả các dự án còn hiệu lực

BIỂU 1.6: TỔNG HỢP RÀ SOÁT, PHÂN LOẠI DỰ ÁN TẠI TỈNH/THÀNH PHỐ ...

Các dự án còn hiệu lực tính đến ngày 20/3/2013

TT	Chi tiêu	Loại 1		Loại 2		Loại 3		Loại 4		Tổng
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	Số dự án									
A1	Trong đó, ngoài KCN									
A2	KCN									
A3	KCX									
A4	KCNC									
A5	KKT									
B	Vốn đăng ký (triệu USD)									
B1	Trong đó, ngoài KCN									
B2	KCN									
B3	KCX									
B4	KCNC									
B5	KKT									
C	Vốn thực hiện lũy kế (triệu USD)									
C1	Trong đó, ngoài KCN									
C2	KCN									
C3	KCX									
C4	KCNC									
C5	KKT									

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên, đơn vị, điện thoại)

Người duyệt biểu

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Cách phân loại dự án:

Loại 1 là dự án triển khai hoạt động bình thường, không có vướng mắc;

Loại 2 là dự án có khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh;

Loại 3 là dự án có khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền của tỉnh, cần hỗ trợ từ trung ương;

Loại 4 là dự án không triển khai, thuộc diện cần chấm dứt hoạt động

Đối với các SKHĐT, điền số liệu tương ứng vào các dòng A1, B1, C1

Đối với các Ban quản lý KCN, KCX, KCNC, KKT: điền số liệu tương ứng vào các dòng A, B, C

Cột 11 = Cột 3 + Cột 5 + Cột 7 + Cột 9

Cột 4 = Cột 3 : Cột 11; Cột 6 = Cột 5 : Cột 11; Cột 8 = Cột 7 : Cột 11; Cột 10 = Cột 9 : Cột 11

A=A1+A2+A3+A4+A5; B=B1+B2+B3+B4+B5; C=C1+C2+C3+C4+C5

Ghi chú:

